

(Tiếp theo)

Phần hai : TÁC PHẨM

TIỂU DẪN

Sau khi quân ta đại thắng, tiêu diệt và làm tan rã 15 vạn viện binh của giặc, Vương Thông buộc phải giảng hoà, chấp nhận rút quân về nước, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết *Đại cáo bình Ngô*.

Đại cáo bình Ngô có ý nghĩa trọng đại của một bản tuyên ngôn độc lập được công bố vào tháng Chạp, năm Đinh Mùi (tức đầu năm 1428). Bài đại cáo này mang đặc trưng cơ bản của thể cáo nói chung, đồng thời có những sáng tạo riêng của Nguyễn Trãi.

Cáo là thể văn nghị luận có từ thời cổ ở Trung Quốc, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương, một sự nghiệp, tuyên ngôn một sự kiện để mọi người cùng biết. Trong thể cáo, có loại văn cáo thường ngày như chiếu sách của vua truyền xuống về một vấn đề nào đó, có loại văn đại cáo mang ý nghĩa một sự kiện trọng đại, có tính chất quốc gia. Cáo có thể được viết bằng văn xuôi hay văn vần nhưng phần nhiều được viết bằng văn biển ngẫu, không có vần hoặc có vần, thường có đối, câu dài ngắn không gò bó, mỗi cặp hai vế đối nhau. Cũng như hịch, cáo là thể văn hùng biện, do đó lời lẽ phải đanh thép, lí luận phải sắc bén, kết cấu phải chặt chẽ, mạch lạc.

Đại cáo bình Ngô do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo là bài cáo có ý nghĩa trọng đại của quốc gia, được công bố rộng khắp về việc dẹp yên giặc Ngô (ở đây, chữ Ngô chỉ giặc Minh xâm lược). Bài đại cáo này được viết theo lối văn biển ngẫu, có vận dụng thể tứ lục (từng cặp câu, mỗi câu mười chữ ngắt theo nhịp 4/6), hình tượng nghệ thuật sinh động, gợi cảm.

Bố cục bài *Đại cáo bình Ngô* gồm bốn phần (NBS đã đánh số để tiện theo dõi) :

- Nêu luận đề chính nghĩa.
- Vạch rõ tội ác kẽ thù.
- Kể lại quá trình chinh phạt gian khổ và tất thắng của cuộc khởi nghĩa.
- Tuyên bố chiến quả, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa.

VĂN BẢN

1. Từng nghe :
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt⁽¹⁾ trước lo trù bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xung nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nên độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xung đế một phuong.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.
Vậy nên :
Lưu Cung tham công nên thất bại,
Triệu Tiết⁽²⁾ thích lớn phải tiêu vong.
Cửa Hàm Tử⁽³⁾ bắt sống Toa Đô,
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã⁽⁴⁾.
Việc xưa xem xét,
Chứng cứ còn ghi.
2. Vừa rồi :
Nhân họ Hồ chính sự phiền hà,
Để trong nước lòng dân oán hận.
Quân cuồng Minh thừa cơ gây hoạ,
Bọn gian tà bán nước cầu vinh.
Nuống dân đen trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đẻ⁽⁵⁾ xuống dưới hầm tai vạ.
Đối trời lửa dân đủ muôn nghìn kế,
Gây binh kết oán trái hai mươi năm.
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,
Nặng thuế khoá sạch không đâm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lung mò ngọc, ngán thay cá mập, thuồng luồng.
Kẻ bị đem vào núi đai cát tìm vàng, khốn nỗi rùng sâu, nước độc.

(1) *Điếu phạt* : (*điếu* : thương, *phạt* : trừng trị) rút từ ý “Điếu dân phạt tội” trong *Kinh Thư* nói về việc Thang, Vũ vì dân mà đánh kẻ có tội là Kiệt, Trụ.

(2) *Triệu Tiết* : tướng nhà Tống cùng Quách Quỳ đem quân xâm lược nước ta, bị Lí Thường Kiệt đánh đuổi.

(3) *Hàm Tử* : (thuộc Hưng Yên) nơi Trần Nhật Duật phá quân Toa Đô.

(4) *Toa Đô*, *Ô Mã* : hai tướng nhà Nguyên.

(5) *Con đẻ* : con mồi đẻ (nghĩa đen) ; ở đây chỉ nhân dân, theo nghĩa : nhà vua chân chính yêu dân như con mồi đẻ.

Vết săn vật, bắt chim trǎ, chốn chốn lưới chǎng,
 Nhiều nhân dân, bẫy hươu đen⁽¹⁾, nơi nơi cạm đặt.
 Tàn hại cá giống côn trùng cây cỏ,
 Nheo nhóc thay kẻ goá bựa khốn cùng.
 Thẳng há miệng, dứa nhe răng, máu mờ bẩy no nê chưa chán ;
 Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa.
 Nặng nề những nỗi phu phen,
 Tan tác cả nghề canh cùi.
 Độc ác thay, trúc⁽²⁾ Nam Sơn không ghi hết tội,
 Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.
 Lê nào trời đất dung tha,
 Ai bảo thần nhân chịu được ?

3. Ta đây :

Núi Lam Sơn dấy nghĩa,
 Chốn hoang dã nuong mình.
 Ngầm thù lớn há đội trời chung,
 Căm giặc nước thề không cùng sống.
 Đau lòng nhức óc, chốc đã mười mấy năm trời ;
 Ném mặt nầm gai, há phải một hai sớm tối.
 Quên ăn vì giận, sách lược thao⁽³⁾ suy xét đã tinh ;
 Ngầm trước đến nay, lẽ hung phế⁽⁴⁾ đắn đo càng kĩ.
 Những trần trọc trong con mộng mị,
 Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi⁽⁵⁾.
 Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
 Chính lúc quân thù đương mạnh.
 Lại ngặt vì :
 Tuấn kiệt như sao buổi sớm,
 Nhân tài như lá mùa thu.
 Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần,
 Nơi duy ác⁽⁶⁾ hiếm người bàn bạc.
 Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muôn tiến về đông⁽⁷⁾ ;
 Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả⁽⁸⁾.

(1) *Chim trǎ, hươu đen* : hai loài vật đều quý, lông chim trǎ màu tím làm áo và đệm, nhung hươu làm vị thuốc bổ.

(2) *Trúc* : thời xưa chép sử sách bằng cách dùng dao khắc chữ trên thê trúc, rồi quét sơn lên.

(3) *Sách lược thao* : sách dạy cách dùng binh, đánh trận.

(4) *Hưng phế* : *hung* : nói một triều đại đang lên, *phế* : nói một triều đại đang xuống và bị lật đổ.

(5) *Đồ hồi* : mưu tính việc khôi phục lại.

(6) *Duy ác* (hay *ốc*) : màn che, chỗ bộ tham mưu trong quân đội xưa, nơi bàn bạc việc quân.

(7) *Về đông* : chữ lấy từ *Hán thư*, từ câu nói của Lưu Bang (Hán Cao Tổ). Khi bị Hạng Vũ đẩy vào đất Tây Thục, Lưu Bang bực tức nói : "Dư diệc dục đông nhĩ, an năng uất uất cứu cự thử hổ" (Ta cũng muốn trở về đông, sao chịu chết ải ở chốn này).

(8) *Phía tả* : Tín Lăng Quân nước Ngụy, nghe tiếng Hầu Doanh là một hiền sĩ, mình ngồi phía hữu, dành phía tả cho Hầu Doanh, tả được coi như trên hữu, có ý tôn trọng người hiền.

Thế mà :

Trông người người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn bể kholi,
Tự ta ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.

Phẫn thì giận hung đồ ngang dọc,

Phẫn thì lo vận nước khó khăn.

Khi Linh Sơn⁽¹⁾ lương hết mấy tuần,

Khi Khôi Huyện⁽²⁾ quân không một đội.

Trời thử lòng trao cho mệnh lớn,

Ta gắng chí khắc phục gian nan.

Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc⁽³⁾ ngọn cờ pháp phói ;

Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông⁽⁴⁾ chén rượu ngọt ngào.

Thế trận xuất kì, lấy yếu chống mạnh ;

Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trọn hay :

Dem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân để thay cường bạo.

Trận Bồ Đằng⁽⁵⁾ sấm vang chớp giật,

Miền Trà Lân⁽⁶⁾ trúc ché tro bay⁽⁷⁾.

Sĩ khí đã hăng,

Quân thanh càng mạnh⁽⁸⁾.

Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mắt vía,

Lí An, Phương Chính⁽⁹⁾ nín thở cầu thoát thân.

(1) *Linh Sơn* : núi Chí Linh, một ngọn núi hiểm trở ở xã Giao An, huyện Lang Chánh, Thanh Hoá.

(2) *Khôi Huyện* : lâu nay người ta vẫn cho rằng đây là vùng Khôi Sách, gần Nho Quan, Ninh Bình, giáp Thanh Hoá ; gần đây có ý kiến cho rằng Khôi Huyện ở mạn Bá Thước, Thanh Hoá.

(3) *Dựng cần trúc* : lấy điển cũ nói về Trần Thắng, Ngô Quang do khởi nghĩa quá gấp không kịp may cờ, giờ cần trúc làm cờ (yết can vi kí).

(4) *Hoà nước sông* : lấy điển trong *Văn tuyển* chép lời Hoàng Thạch Công : "Xưa có viên tướng giỏi, khéo dùng binh, nhân có người biếu chai rượu, viên tướng đó truyền tập hợp quân đội bên dòng sông, rồi đổ chai rượu xuống dòng sông để mọi người đều nhấp, gọi là chia ngọt sẻ bùi, cùng nhau chiến đấu một lòng". Về điển này, theo truyền thuyết, ở huyện Lang Chánh, Thanh Hoá có truyện *Suối rượu* ; ở huyện Thường Xuân, Thanh Hoá có truyện *Hòn đá khao* đều nói Lê Lợi xưa có làm động tác đổ rượu xuống sông khao quân.

(5) *Bồ Đằng* : tên một ngọn núi, còn gọi là Bồ Liệt, Bồ Cú thuộc Quỳ Châu, Nghệ An.

(6) *Trà Lân* : một địa điểm thuộc xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, Nghệ An.

(7) *Trúc ché tro bay* : quân giặc bị tan nhanh dễ như thế ché tre, hay như tro bay.

(8) *Sĩ khí, quân thanh* : tinh thần và thanh thế của quân đội.

(9) *Trần Trí, Sơn Thọ, Lí An, Phương Chính* : bốn viên tướng của quân Minh.

Thùa thắng ruồi dài, Tây Kinh⁽¹⁾ quân ta chiếm lại ;
 Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô⁽²⁾ đất cũ thu về.
 Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm ;
 Tốt Động⁽³⁾ thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
 Phúc tâm quân giặc, Trần Hiệp đã phải bêu đầu ;
 Một gian kẻ thù, Lí Lượng cũng đành bỏ mạng.
 Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy ;
 Mã Anh⁽⁴⁾ cứu trận đánh, mà quân ta hăng lại càng hăng.
 Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt ;
 Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt, tâm công⁽⁵⁾.
 Tưởng chúng biết lẽ ăn năn, nên đã thay lòng đổi dạ ;
 Ngờ đâu vẫn đương mưu tính, lại còn chuốc tội gây oan.
 Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác ;
 Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Bởi thế :

Thằng nhãi con Tuyên Đức⁽⁶⁾, động binh không ngừng ;
 Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng⁽⁷⁾, đem dầu chửa cháy.
 Đinh Mùi tháng chín Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn tiến lại ;
 Năm ấy tháng mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.
 Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong ;
 Ta sau lại sai tướng chẹn đường, tuyệt nguồn lương thực.
 Ngày mười tám, trận Chi Lăng⁽⁸⁾, Liễu Thăng thất thế,
 Ngày hai mươi, trận Mã An⁽⁹⁾, Liễu Thăng cự đầu,
 Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh bại trận tử vong,
 Ngày hăm tám, thượng thư Lí Khánh cùng kế tự vẫn.
 Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá,
 Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau.
 Lại thêm quân bốn mặt vây thành,
 Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc.

(1) *Tây Kinh* : Tây Nhai, hoặc Tây Giai do nhà Hồ xây dựng, di tích hiện còn ở huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá (không nên nhầm lẫn với Lam Kinh ở Lam Sơn).

(2) *Đông Đô* : Hà Nội ngày nay.

(3) *Ninh Kiều, Tốt Động* : hai địa điểm ở Chương Mỹ, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).

(4) *Trần Hiệp, Lí Lượng, Vương Thông, Mã Anh* : cũng là các viên tướng của quân Minh.

(5) *Mưu phạt, tâm công* : đánh bằng mưu, đánh bằng tâm (đánh bằng nhân nghĩa, dùng nhân nghĩa để thuyết phục, cảm hoá).

(6) *Tuyên Đức* : niên hiệu vua Tuyên Tông nhà Minh, ở ngôi từ 1426 đến 1435.

(7) *Thạnh, Thăng* : Mộc Thạnh, Liễu Thăng – hai tướng nhà Minh dẫn hai đạo viện binh sau cùng và đều thất bại.

(8) *Chi Lăng* : địa điểm xưa là cửa ái, nơi Liễu Thăng bị giết (gắn ga xe lửa Chi Lăng hiện nay ở Lạng Sơn).

(9) *Mã An* : một địa điểm ở Lạng Sơn.

Sĩ tốt kén người hùng hổ,
Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh.
Gurom mài đá, đá núi cung mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kinh ngạc,
Đánh hai trận⁽¹⁾, tan tác chim muông.
Nỗi gió to trút sạch lá khô,
Thông tổ kiến phá toang đê vỡ.
Đô đốc Thôi Tụ lê gối dâng tờ tạ tội,
Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.
Lạng Giang⁽²⁾, Lạng Sơn, thây chất đầy đường ;
Xương Giang, Bình Than⁽³⁾, máu trôi đỏ nước.
Ghê gớm thay sắc phong vân phải đổi,
Thảm đậm thay ánh nhật nguyệt phải mờ.
Bị ta chẹn ở Lê Hoa⁽⁴⁾, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật ;
Thua quân ta ở Cản Trạm⁽⁵⁾, quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
Suối Lãnh Câu⁽⁶⁾ máu chảy trôi chảy⁽⁷⁾, nước sông nghẹn ngào tiếng khóc ;
Thành Đan Xá thây chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.
Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chăng kịp ;
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng.
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng ;
Thần vū chăng giết hại⁽⁸⁾, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh.
Mã Kì, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền,
ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc ;
Vuong Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến nước mà vẫn tim đập chân run.
Họ đã tham sống sợ chết, mà hoà hiếu thực lòng ;
Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.
Chẳng những mưu kế kì diệu,
Cũng là chưa thấy xưa nay.

(1) *Danh một trận, đánh hai trận*: dịch thoát chữ *nhất cỗ* (đánh hồi trống thứ nhất), *tái cỗ* (đánh hồi trống thứ hai).

(2) *Lang Giang*: một địa điểm thuộc Bắc Giang.

(3) *Xuong Giang* : sông chảy qua phủ Lạng Thương. Thành *Xuong Giang* còn di tích gần thành phố Bắc Giang. *Binh Than* : thuộc vùng Phả Lai hiện nay.

(4) Lê Hoa : một cửa ải xưa kia, giáp ranh huyện Bát Xát, Lào Cai và huyện Mông Tự, Vân Nam (Trung Quốc). Ở đó có sông Lê Hoa. Nay vùng này không có cửa ải.

(5) Cân Trám : vùng Kép, Lạng Sơn.

(6) *Lãnh Cầu, Đan Xá*: hai địa điểm giáp ranh giữa Vân Nam và nước ta. Chưa rõ đích xác hai địa điểm này ở vùng Lai Châu hay vùng Hà Giang.

(7) *Máu chảy trôi chày*: do chấn "huyết lưu phiêu chử" trong thiền *Vũ thành (Kinh Thư)*, ý nói máu chảy nhiều, trôi cả chày (chày là một loại vũ khí).

(8) *Thần vũ chẳng giết hại* : uy vũ thiêng liêng không giết hại mà vẫn thắng.

4. Xã tắc từ đây vững bền,
Giang sơn từ đây đổi mới.
Kiền khôn bĩ rồi lại thái⁽¹⁾,
Nhật nguyệt hối rồi lại minh⁽²⁾.
Muôn thuở nền thái bình vững chắc,
Ngàn thu vết nhục nhã sạch lùa.
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng ngầm giúp đỡ mới được như vậy.
Than ôi !
Một cỗ nhung y⁽³⁾ chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm ;
Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân⁽⁴⁾ khắp chốn.
Xa gần bá cáo
Ai nấy đều hay.

Theo bản dịch của BÙI KÌ⁽⁵⁾, BÙI VĂN NGUYÊN chỉnh lý
(*Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập II – Văn học thế kỉ X – thế kỉ XVII, Sđd.
Có tham khảo một số bản dịch khác.)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài *Dại cáo bình Ngô* gồm 4 đoạn. Hãy tóm lược nội dung của từng đoạn.
Nội dung của từng đoạn hướng vào chủ đề chung của bài cáo là nêu cao tư tưởng nhân nghĩa và tư tưởng độc lập dân tộc như thế nào ?
2. Tìm hiểu đoạn mở đầu (“Từng nghe... chứng cứ còn ghi”):
 - a) Có những chân lí nào được khẳng định để làm chỗ dựa, làm căn cứ xác đáng cho việc triển khai toàn bộ nội dung bài cáo ?
 - b) Vì sao đoạn mở đầu có ý nghĩa như lời tuyên ngôn độc lập ?
 - c) Tác giả đã có cách viết như thế nào để làm nổi bật niềm tự hào dân tộc ?
(Lưu ý cách dùng từ, sử dụng nghệ thuật so sánh, câu văn biền ngẫu sóng đôi, cân xứng, cách nêu dẫn chứng từ thực tiễn,...)
3. Tìm hiểu đoạn 2 (“Vừa rồi... Ai bảo thần nhân chịu được”):
 - a) Tác giả đã tố cáo những âm mưu, những hành động tội ác nào của giặc Minh ? Âm mưu nào là thâm độc nhất, tội ác nào là man rợ nhất ?
 - b) Nghệ thuật của đoạn cáo trạng tội ác kẽ thù có gì đặc sắc ? (Lưu ý những câu văn giàu hình tượng ; giọng văn thay đổi linh hoạt, phù hợp với cảm xúc.)

(1) *Kiền khôn* : (kiền hay càn chỉ trời, khôn chỉ đất) trời đất. *Bĩ, thái* : dịch hai quẻ bĩ và thái trong *Kinh Dịch* (bĩ : bế tắc, thái : thông suốt).

(2) *Hối rồi lại minh* : tối rồi lại sáng.

(3) *Nhung y* : áo giáp mặc để ra trận, đây chỉ việc đánh giặc, ý này cũng rút từ thiên Vũ thành dâneu ở trên, tức nói việc Vũ Vương đánh Trụ : “Chỉ một cỗ nhung y mà thiên hạ thu về được” (Nhất nhung y, thiên hạ đại định). Ở đây, chỉ Lê Lợi.

(4) *Duy tân* : đổi mới ; ý nói cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã mở ra một kỉ nguyên mới – kỉ nguyên xây dựng một nhà nước Đại Việt tự chủ và thịnh vượng, dưới triều vua mới.

(5) Gần đây có ý kiến cho rằng bản dịch này là của Trần Trọng Kim.

4. Tìm hiểu đoạn 3 ("Ta đây... Cũng là chưa thấy xưa nay") :
- Giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được tác giả tái hiện như thế nào ? (Có những khó khăn gian khổ gì ? Người anh hùng Lê Lợi tiêu biểu cho cuộc khởi nghĩa có ý chí, quyết tâm như thế nào ? Sức mạnh nào giúp quân ta chiến thắng ?)
 - Khi tái hiện giai đoạn phản công thắng lợi, bài cáo miêu tả bức tranh toàn cảnh cuộc khởi nghĩa Lam Sơn :
 - Cho biết có những trận đánh nào, mỗi trận có đặc điểm gì nổi bật ?
 - Phân tích những biện pháp nghệ thuật miêu tả thế chiến thắng của ta và sự thất bại của giặc.
 - Phân tích tính chất hùng tráng của đoạn văn được gợi lên từ ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu câu văn.
5. Tìm hiểu đoạn kết ("Xã tắc từ đây vững bền... Ai nấy đều hay") :
- Giọng văn ở đoạn này có gì khác với những đoạn trên ? Do đâu có sự khác nhau đó ?
 - Trong lời tuyên bố nền độc lập dân tộc đã được lập lại, *Đại cáo bình Ngô* đồng thời nêu lên bài học lịch sử. Theo anh (chị), có những bài học lịch sử nào và ý nghĩa của bài học lịch sử đó đối với chúng ta ngày nay như thế nào ?
- 6*. Rút ra những giá trị chung về mặt nội dung và nghệ thuật của *Đại cáo bình Ngô*, đồng thời phân tích những giá trị đó.
- Đại cáo bình Ngô* được coi là bản tuyên ngôn độc lập, tác phẩm có mang ý nghĩa tuyên ngôn về quyền sống của con người hay không ? Hãy lí giải.
 - Đại cáo bình Ngô* có sự kết hợp hài hoà yếu tố chính luận và yếu tố văn chương, anh (chị) hãy phân tích để làm sáng tỏ đặc điểm này về các mặt : kết cấu, lập luận, nghệ thuật sử dụng từ ngữ, xây dựng hình tượng, nghệ thuật sử dụng câu văn, nhịp điệu.

GHI NHỚ

Với nghệ thuật chính luận tài tình, với cảm hứng trữ tình sâu sắc, *Đại cáo bình Ngô* tố cáo tội ác kẻ thù xâm lược, ca ngợi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Bài cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập, một áng "thiên cổ hùng văn" của dân tộc ta.

LUYỆN TẬP

1. Lập sơ đồ kết cấu của *Đại cáo bình Ngô* và phân tích tác dụng của nghệ thuật kết cấu đó.
2. Học thuộc đoạn mở đầu bài *Đại cáo bình Ngô*.